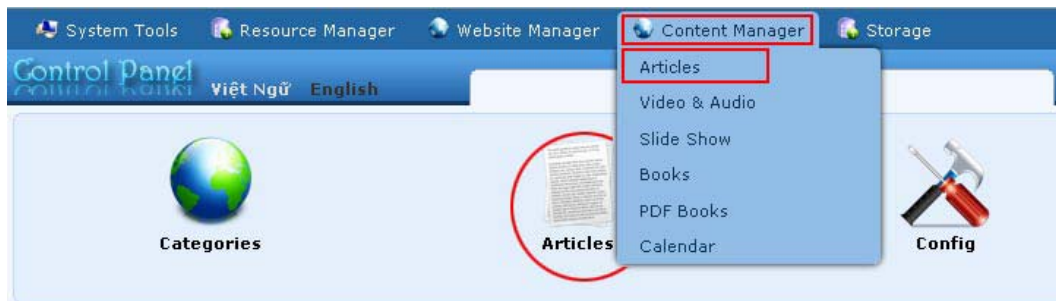


Bài 7: Thêm Tin/Bài Vào Website

Website thường bao gồm phần lớn là tin tức và bài viết. Danh mục dành cho loại nội dung này có những tên gọi khác nhau như: Tin Tức, Bài Viết, Phê Bình, v.v. nhưng tựu trung cũng chỉ là bài viết (Control Panel dùng chữ **Article** dùng để chỉ loại nội dung này). Trước khi thêm tin/bài vào website, website cần phải có danh mục loại này.

Trong phần "Thêm Danh Mục" chúng ta đã tạo danh mục **Writings** và chọn loại nội dung (Content Type) là News. Bây giờ chúng ta hãy thêm một bài viết vào danh mục đó, trong phần tiếng Anh.

- A. Vào **Control Panel** như thường lệ.
- B. Vào mục **Content Manager**, chọn **Articles** (Tin/Bài) trong bảng rải xuống (hoặc bấm vào biểu tượng mang tên "Articles" ở giữa Control Panel).



- C. Chọn site (ngôn ngữ nào) để quản lý. Vì chúng ta sẽ thêm tin/bài cho danh mục **Writings** trong site tiếng Anh nên chúng ta bấm vào ô gần góc trên, bên trái để chọn "**English Site**".



- D. Màn hình hiện ra danh sách tin/bài của site ngôn ngữ này. Trong hình trên, danh sách hoàn toàn trống vì website chưa có tin/bài nào được đưa lên.

- E.** Bấm vào **Record Edit** phía trên, bên góc phải bạn sẽ thấy phiếu dữ liệu của một tin/bài chưa điền. (Nếu bạn thấy đang có dữ liệu trong phiếu này, có thể đó là một tin/bài cũ, hãy bấm nút "New" ở góc trên, bên trái để có một phiếu hoàn toàn trống).

The screenshot shows a web management interface for creating a new article. The interface is divided into several sections, each marked with a red circle and a number:

- 1:** Title / Description: A text input field for the article title.
- 2:** Content Editor: A rich text editor with a toolbar and a large text area for the article content.
- 3:** Category: A dropdown menu for selecting the article category.
- 4:** Information: A section containing fields for Thumbnail Image, Brief, Author, Tags, Posted By, Posted Date, Viewed, Ordinal, Hot News, and Active status.
- 5:** Meta tag: A field for entering meta tags.

The interface also includes "New" and "Add" buttons at the top and bottom, and a footer with copyright information: Copyright © 2010 www.vnn.net. Powered by VNN.

- F.** Điền hoặc chọn các ô đánh số từ 1 đến 5 trong hình trên đây. Công dụng của các ô này như sau:

- 1. Title (tiêu đề).** Điền tiêu đề (tựa) tin/bài (**bắt buộc**).
- 2. Description (nội dung).** Nhập nội dung của tin/bài vào đây (**bắt buộc**).

3. **Category** (danh mục). Đánh dấu check vào ô trước tên danh mục mà tin/bài này sẽ hiển thị (**bắt buộc**, nếu không chọn, tin/bài sẽ không hiện trên website).
4. **Brief** (tóm tắt). Nhập vào 1 đoạn tóm tắt về tin/bài này (*không bắt buộc*). Đoạn tóm tắt này sẽ được hiện cùng với tiêu đề bài khi website hiển thị danh sách.
5. **Author** (tác giả). Nhập tên tác giả bài vào ô này (*không bắt buộc*). Tên tác giả sẽ hiện ra khi người ta xem trang chi tiết. Nếu có nhiều tác giả, có thể dùng dấu ; để ngăn cách.

Các ô khác hãy để nguyên như vậy. Dưới đây là hình thí dụ sau khi điền những phần trên đây.

New Add Data View Record Edit

Title / Description « 1

Telegraphy

Title to display

HTML Paragraph Font family Font size

2

telegram. A cablegram was a message sent by a submarine telegraph cable, often shortened to a cable or a wire. Later, a Telex message was a telegram sent by a Telex network, a switched network of teleprinters similar to a telephone network.


Before long distance telephone services were readily available or affordable, telegram services were very popular and the only way to convey information speedily over very long distances. Telegrams were often used to confirm business dealings and were commonly used to create binding legal documents for business dealings.

A wire picture or wire photo was a newspaper picture that was sent from a remote location by a facsimile telegraph. The teleostereograph machine, a forerunner to the modern electronic fax, was developed by AT&T's Bell Labs in the 1920s; however, the first commercial use of image facsimile telegraph devices date back to the 1800s. It was made by Samuel F. B. Morse (the inventor of morse code).

Path: p

When an oversized image is inserted into the content (using the image insert tool of the editor) the program will create a regular size image (which is linked to the original image) to be displayed along with the text. You can turn off this feature by selecting "Original Insert" option in the Insert Image window.

Information «

Thumbnail Image :  /images/upload/site/noimage.jpg Browser

Link to the thumbnail image, which is shown to the readers before they actually read the full story. You do not need to prepare this thumbnail image. The program will automatically create a thumbnail image for you, no matter how big your image is (with one condition: you must use click use the "Browser" button).

Media Link : From Wikipedia, the free encyclopedia 4 Browser

Normally, a video or audio clip can be inserted right into the content of an article. But, you may enter the link to the video/audio file here. The program will automatically select the right media player to play your video/audio file.

Brief : Telegraphy is the long-distance transmission of written messages without physical transport of letters. Radioteleggraphy or wireless telegraphy transmits messages using radio. 5

A brief summary of the article.

Information «

Author :

Writer, or author, of an article. Use semicolon (;) to separate writers if there are more than one writer.

Tags :

Keywords relating to this article. Use semicolon (;) to separate keywords.

Posted By :

Posted Date : September 10 2010 @ 01 : 18 : 35

Viewed : 0

Ordinal : 100

Hot News :

Active :

An article must be activated (i.e.: active) if you want this article to be viewed by visitors.

Meta tag »

New Add

3

LeftMenu

Writings

About Us

Check all | Uncheck all

Sau đây là công dụng của những ô còn lại (đánh dấu bằng số màu xanh trong hình bên dưới).

6. **Thumbnail Image** (hình đại diện). Ô này bạn sẽ điền sau khi đã chèn hình vào bài (nếu bài có hình).
7. **Media Link** (liên kết với audio, video). Ô này sẽ kết nối bài này với một audio hay video file, nếu có
8. **Tags**. Nhập các từ khóa mô tả tin/bài (nếu tin/bài có nhiều từ khóa cần mô tả, có thể dùng dấu ; để ngăn cách các từ khóa).
9. **Posted by (người đưa bài lên)**. Điền tên người đưa bài này lên website, nếu cần.

10. **Posted date** (ngày post). Ô này sẽ được tự động điền mỗi khi bạn bấm nút "New" để thêm tin/bài mới. Nếu bạn sửa ngày post là một ngày trong tương lai thì tin/bài sẽ không được hiển thị cho đến ngày đó.
11. **Ordinal** (thứ tự). Số thứ tự càng nhỏ thì tin/bài sẽ hiển thị càng gần ở đầu danh sách. Số này dùng để thay đổi thứ tự bài trong danh sách.
12. **Hot News** (Tin Nóng). Khi check vào ô này, tin/bài sẽ luôn hiển thị ở đầu danh sách và sẽ hiển thị trong box **Hot News** (nếu website của bạn có dùng khung Hot News).
13. **Active** (hoạt động). Ô này **mặc định là có dấu check** nghĩa là tin/bài vừa thêm sẽ hiện ngay lên website.

The screenshot shows a web management interface with the following elements:

- Buttons:** "New" and "Add" buttons at the top and bottom.
- Title/Description:** A text input field containing "Telegraphy" (marked with 1).
- Rich Text Editor:** A toolbar with various icons and a text area containing an article about telegraphy (marked with 2).
- Information Section:**
 - Thumbnail Image:** A field with a file path and a "Browser" button (marked with 6).
 - Media Link:** A field with a "Browser" button (marked with 7).
 - Brief:** A text area with a summary of the article (marked with 4).
- Category:** A sidebar with a "LeftMenu" containing "Writings" and "About Us" (marked with 3).
- Author:** A text input field with "From Wikipedia, the free encyclopedia" (marked with 5).
- Tags:** A text input field (marked with 8).
- Posted By:** A text input field (marked with 9).
- Posted Date:** A date and time selector set to "September 10, 2010 @ 01:18:35" (marked with 10).
- Viewed:** A numeric input field set to "0" (marked with 11).
- Ordinal:** A numeric input field set to "100" (marked with 11).
- Hot News:** An unchecked checkbox (marked with 12).
- Active:** A checked checkbox (marked with 13).
- Meta tag:** A text input field at the bottom.

Tiếp tục những bước sau, sau khi đã nhập thông tin vào những ô cần thiết.

- G.** Bấm nút "Add" ở đầu trang hoặc cuối trang. Thông báo "Data Added Successfully!" sẽ hiện ra ở góc trên, bên trái.



- H.** Vào website để kiểm soát xem bài đã có trong danh mục Writings chưa. Bạn có thể cần phải bấm nút **Refresh** của web browser thì mới thấy bài này trong trang web.

Bạn đã hoàn tất thêm một tin/bài vào website. Bài tiếp theo sẽ hướng dẫn bạn chèn hình vào bài nói trên.